TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Xuân Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Phan Công Đồ – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** - sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc S** - sinh năm 1993; HKTT: Thôn P, xã A, huyện C, tỉnh Phú Yên; Hiện ở: Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian sống chung, chị và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, có lời nói xúc phạm nhau, gây tổn thương cho nhau, anh S thường nhậu nhẹt, không quan tâm gì đến gia đình và có lúc anh S

còn đánh chị. Đến tháng 02 năm 2016, anh S không nói tiếng nào tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh S ở Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Yên sống cho đến nay. Chị đã nhiều lần năn nỉ, khuyên nhủ anh S về sống chung nhưng anh S không đồng ý. Chị và anh S đã sống ly thân đến nay đã 02 năm, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bản thân chị không thể hàn gắn tình cảm với anh S được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung**:** Trong thời gian hôn nhân, chị và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc G – sinh ngày 07/11/2013 hiện nay cháu G đang sống cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu G và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng bị đơn anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn anh Nguyễn Ngọc S vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Hồng L vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh S. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc G – sinh ngày 07/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã A, huyện C, tỉnh Phú Yên và hiện ở Thôn Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Yên. Do đó, căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Ngọc S đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 07/8/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình và có lần còn đánh chị. Đến tháng 02 năm 2016, anh S tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh S ở Thôn Đ, xã M, huyện C sống cho đến nay và không đồng ý quay về sống chung với chị. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh S, anh S đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh S đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay, chị L xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh S, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, theo nội dung biên bản xác minh ngày 02/01/2018 (bút lục 37) của địa phương và biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2018 của mẹ ruột chị L tên Thái Thị (bút lục số 38). Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, có xảy ra bạo lực gia đình, anh S đã tự ý bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay đã 02 năm chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc G – sinh ngày 07/11/2013. Hiện nay cháu G đang sống chung với chị L, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu G, Hội đồng xét xử thấy: Cháu G còn nhỏ và chưa đủ 07 tuổi, từ nhỏ đã sống cùng chị L, tình cảm mẹ con gắn bó nên chấp nhận giao cháu G cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật

hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc S.

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc G – sinh ngày 07/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

* Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0003560 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Phú Yên. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND h. C (2);
- THADS h. C (1);
- Nguyên đơn, Bị đơn (2);
- UBND xã M, huyện Tuy An (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

Võ Xuân Huy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Xuân Huy